



GIỚI THIỆU DỊCH VỤ ONEPAY

QUY TRÌNH TÍCH HỢP CỔNG THANH TOÁN ONLINE



Nội dung

I.	Dịch vụ thanh toán điện tử OnePAY	2
1.	Tổng quan.....	2
2.	Các đối tác chấp nhận dịch vụ thanh toán OnePAY	2
3.	Chi phí giao dịch	2
II.	Quy trình tích hợp	2
III.	Hướng dẫn tích hợp hệ thống.....	3
1.	Tham số gửi và nhận trong quá trình giao dịch	3
2.	Kỹ thuật kết nối.....	4
3.	Bảng thông báo lỗi khi thực hiện giao dịch.....	7
4.	Thông tin thẻ test.....	7
IV.	Tích hợp MVC.....	8
1.	Xây dựng Models	8
2.	Xây dựng Controller.....	10
3.	Xây dựng Views.....	12
V.	Tích hợp plugin nopCommerce 2.65.....	13
1.	Giới thiệu plugin OnePAY Standard	13
2.	Hướng dẫn cấu hình plugin OnePAY Standard	14

I. Dịch vụ thanh toán điện tử OnePAY

1. Tổng quan

- OnePAY là đại diện của MasterCard trong cung cấp giải pháp thanh toán điện tử cho các doanh nghiệp tại Việt Nam. Hệ thống cổng thanh toán của OnePAY được tin dùng bởi các ngân hàng lớn trên thế giới như ANZ, HSBC, ICICI... Cổng thanh toán OnePAY đảm bảo các tiêu chuẩn của hệ thống tài chính quốc tế như PCI DSS của PCI Security Standards Council, 3D-Secure của Visa, MasterCard và JCB... OnePAY cũng đang hợp tác cùng 6 ngân hàng nhà nước và cổ phần lớn nhất Việt Nam để triển khai đa dạng kênh thanh toán không tiền mặt.
- OnePAY triển khai dịch vụ thanh toán trực tuyến từ tháng 3 năm 2007 và chỉ cung cấp dịch vụ cho các công ty có đăng ký kinh doanh hoặc tổ chức được hoạt động tại Việt Nam.

2. Các đối tác chấp nhận dịch vụ thanh toán OnePAY

Dịch vụ thanh toán trực tuyến của OnePAY cho phép doanh nghiệp chấp nhận thanh toán thẻ qua Internet. Các loại thẻ sau được chấp nhận:

- Thẻ tín dụng hoặc ghi nợ mang thương hiệu: Visa, MasterCard, American Express, JCB.
- Thẻ ghi nợ nội địa (thẻ ATM): Vietcombank, Vietinbank, DongA, VIBank, Techcombank, HDBank, Tienphong Bank, Military Bank, VietA Bank, Maritime Bank, Eximbank, SHB, Sacombank, và NamA Bank.

3. Chi phí giao dịch

Khi bạn chấp nhận thanh toán thẻ trực tuyến, các khoản phí phải trả là:

- Phí đăng ký dịch vụ: Trả một lần duy nhất.
- Phí duy trì tài khoản hàng tháng: thanh toán hàng tháng.
- Phí xử lý giao dịch: trả cố định trên từng giao dịch.
- Phí thanh toán thẻ: trả theo tỉ lệ % dựa trên giá trị giao dịch.

Ngoài ra, đơn vị Kinh doanh phải trả một khoản phí nhỏ để phục vụ việc quản lý tài khoản bán hàng trực tuyến. Phí này sẽ được tính và thu hàng tháng, cùng với phí xử lý giao dịch.

II. Quy trình tích hợp

1. OnePAY và Đơn vị Kinh Doanh (ĐVKD) cùng làm rõ về dịch vụ, thống nhất về phí và công việc cần thực hiện
2. ĐVKD nhận mẫu và điền vào mẫu yêu cầu cung cấp dịch vụ (1 ngày)
3. OnePAY lập hồ sơ và cùng Ngân hàng thẩm định hồ sơ (1 đến 5 ngày)
4. Ngân hàng đề xuất khoản đảm bảo thanh toán (ký quỹ) (1 ngày)
5. OnePAY kiểm tra mức độ hoàn thiện của website và quy trình kinh doanh trực tuyến của ĐVKD (1 ngày)
6. Bộ phận kỹ thuật của OnePAY và ĐVKD phối hợp kiểm tra website.
7. Hai bên kiểm tra và ký kết hợp đồng (hợp đồng 3 bên)
8. OnePAY khởi tạo tài khoản bán hàng - Merchant ID (5 ngày)
9. OnePAY cùng Quý vị tích hợp hệ thống thanh toán vào website (1 ngày)
10. OnePAY Đăng ký pháp nhân của ĐVKD tham gia các giải pháp bảo mật VbV và MSC

(3 ngày)

11. Các bên thực hiện thử nghiệm dịch vụ thanh toán trực tuyến (2 ngày)
12. Đào tạo sau triển khai (khoảng 1 giờ)
13. Chuyển sang hệ thống thật

III. Hướng dẫn tích hợp hệ thống

1. Tham số gửi và nhận trong quá trình giao dịch

Tham số gửi sang cổng thanh toán - Parameters send to payment gateway

Tham số(field name)	Tên (label)	Chú thích	description
virtualPaymentClientURL	Virtual Payment Client URL	Link cổng thanh toán http://mtf.onepay.vn/onecomm-pay/vpc.op	Payment gateway URL
vpc_Version	VPC Version	Phiên bản modul (cố định):1	Version (fixed)
vpc_Command	Command Type	Loại request (cố định): pay	Command Type(fixed)
vpc_AccessCode	Merchant AccessCode	Được cấp bởi OnePAY: D67342C2	Access code, Provided by OnePAY
vpc_MerchTxnRef	Merchant Transaction Reference	ID của giao dịch, các giá trị phải khác nhau trong mỗi lần thanh toán (tối đa 40 ký tự)	ID Transaction (unique per transaction) (max 40 char)
vpc_Merchant	MerchantID	Được cấp bởi OnePAY: ONEPAY	Merchant ID Provided by OnePAY
vpc_OrderInfo	Transaction OrderInfo	Tên hóa đơn được hiển thị trên cổng. (tối đa 34 ký tự)	Order Name will show on payment gateway (max 34 char)
vpc_Amount	Purchase Amount	Số tiền cần thanh toán, đã được nhân với 100. VD: 100=1VND	Amount, Multiplied with 100 Ex: 100 = 1VND in order
vpc_Locale	Payment Server Display Language Locale	Ngôn ngữ hiển thị trên cổng (vn/en)	Language use on gateway (vn/en)
vpc_TicketNo	TicketNo	IP khách hàng	IP Client
vpc_Currency	Currency Code	Loại tiền tệ (VND)	Currency(VND)
vpc_ReturnURL	Receipt ReturnURL	Url nhận kết quả trả về sau khi giao dịch hoàn thành.	URL for receiving payment result from gateway
vpc_SHIP_Street01	Shipping Address	Địa chỉ gửi hàng	Shipping Address
vpc_SHIP_Province	Shipping Province	Quận Huyện(địa chỉ gửi hàng)	Shipping Province
vpc_SHIP_City	Shipping City	/thành phố (địa chỉ khách hàng)	Shipping City
vpc_SHIP_Country	Shipping Country	Quốc gia(địa chỉ khách hàng)	Shipping Country
vpc_Customer_Phone	Customer Phone	Số điện thoại khách hàng	Customer Phone
vpc_Customer_Email	Customer email	Địa chỉ hòm thư của khách hàng	Customer email
vpc_Customer_Id	Customer User Id	Tên tài khoản khách hàng trên hệ thống	Customer User Id

❖ Chú ý:

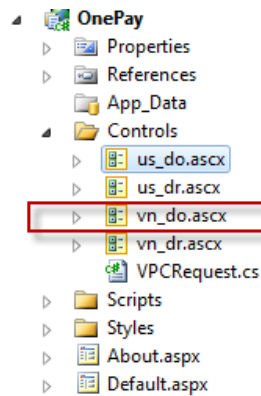
- Các trường thông tin gửi sang cổng thanh toán không sử dụng tiếng việt có dấu. Convert sang không dấu trước khi gửi sang cổng thanh toán.
- Không sử dụng số tiền lẻ với cổng thanh toán test (ví dụ 0.2 đồng tức amount = 20)

Tham số nhận từ cổng thanh toán trả về - Parameters received from payment gateway

Tham số(field name)	Tên (label)	Chú thích	description
vpc_Amount	Purchase Amount	Số tiền đã được thanh toán	Purchase Amount
vpc_Locale	Language Locale	Ngôn ngữ trên cổng (en/vn)	Language Locale
vpc_Command	Command Type	Loại request	Command Type
vpc_Message	Message	Thông báo từ cổng thanh toán	Message from paygate
vpc_Version	VPC Version	Phiên bản modul	Modul Version
vpc_Card	Card type	Loại thẻ được sử dụng	Card type
vpc_OrderInfo	Transaction OrderInfo	Tên hóa đơn	Order name
vpc_ReceiptNo	Receipt No	Mã hóa đơn bank sinh ra	Id transaction created by bank
vpc_Merchant	Merchant ID	Merchant ID	Merchant ID
vpc_MerchTxnRef	Merchant Transaction Reference	ID của giao dịch	ID Transaction
vpc_TransactionNo	Transaction No	ID giao dịch được sinh ra trên cổng	ID Transaction created by paygate
vpc_TxnResponseCode	ResponseCode	Mã trạng thái giao dịch	Response code - transaction status

2. Kỹ thuật kết nối

- **Bước 1:** Mở file vn_do.ascx trong Controls



- **Bước 2:** Mở file **info.txt** và lấy thông tin **MerchantID**, **AccessCode**, **HashCode** điền vào trường tương ứng vpc_Merchant, vpc_AccessCode và HashCode trong file vn_do.ascx.cs

```
string SECURE_SECRET = "A3EFDFA8653DF2342E8DAC29B51AE4"; //HashCode (Tên khác :  
// Khởi tạo lớp thu viện và gán giá trị các tham số gửi sang cổng thanh toán  
VPCRequest conn = new VPCRequest("http://mtf.onepay.vn/onecomm-pay/vpc.op"); // I  
conn.SetSecureSecret(SECURE_SECRET);  
  
// Thông tin về các trường trong giao dịch  
conn.AddDigitalOrderField("Title", "onepay paygate");  
conn.AddDigitalOrderField("vpc_Locale", "vn"); //Chọn ngôn ngữ hiển thị khi thanh  
conn.AddDigitalOrderField("vpc_Version", "2"); // Gán giá trị Version mặc định =  
conn.AddDigitalOrderField("vpc_Command", "pay"); // Gán giá trị Type_Comment mặc  
conn.AddDigitalOrderField("vpc_Merchant", "ONEPAY"); // Mở file info.txt để lấy t  
conn.AddDigitalOrderField("vpc_AccessCode", "D67342C2"); // Mở file info.txt để  
conn.AddDigitalOrderField("vpc_MerchTxnRef", "TEST_1347966347769-986401700"); //  
conn.AddDigitalOrderField("vpc_OrderInfo", vpc_OrderInfo.Text); // Thông tin giao  
conn.AddDigitalOrderField("vpc_Amount", vpc_Amount.Text); // Tổng giá tiền giao  
conn.AddDigitalOrderField("vpc_Currency", vpc_Currency.Text); // Đơn vị tiền tệ  
conn.AddDigitalOrderField("vpc_ReturnURL", "http://localhost:4257/Result.aspx");
```

File info.txt là file thông tin về MerchantID, Accesscode, HashCode, Vitrul Payment Client do CTy OnePAY cung cấp khi Đơn vị Kinh doanh đăng kí sử dụng dịch vụ OnePAY tích hợp.

- **Bước 3:** Gán giá trị vào biến **HashCode** nói trên cho biến SECURE_SERECT file vn_dr.ascx.cs

```
string SECURE_SECRET = "A3EFDFA8653DF2342E8DAC29B51AF0";
```


- **Bước 4:** Mở lại file form thanh toán ở **vn_do.ascx**, tìm trường Merchant Transaction Reference có biến **vpc_MerchTxnRef**. Biến **vpc_MerchTxnRef** được yêu cầu giá trị kiểu chuỗi, độ dài tối đa 34 ký tự. Biến **vpc_MerchTxnRef** là khóa (key) của giao dịch nên các giá trị phải khác nhau trong mỗi lần thanh toán.

Mã giao dịch:	1218090927
Thông tin giao dịch:	Test
Tổng tiền:	1000 VND
<input type="button" value="Thanh toán"/>	

Bạn có thể viết một hàm tự tăng hoặc lấy thời gian để gán giá trị cho biến **vpc_MerchTxnRef**. Ví dụ **vpc_MerchTxnRef = 1218090927**

- **Bước 5:** Chạy module trên môi trường Webserver (hoặc localhost) kết nối internet. Chạy file form thanh toán click nút Thanh toán (hoặc check out) Website chuyển sang trang chọn thẻ của OnePAY.

Đơn hàng: **TEST_13480255618111864012532**
Số tiền: **20,000.00 VND**

 Mời nhập thông tin thẻ và bấm nút "Tiếp tục" để thanh toán.
Hotline OnePAY: 0986087371 (8h00 - 22h00)

Tên in trên thẻ: NGUYEN HONG NHUNG
Số thẻ: 6868682607535021
Ngày phát hành: 12 / 08 (Tháng/Năm)



Số thẻ: Gồm 16 hoặc 19 số.
Không chứa dấu cách hoặc dấu "-".
Ví dụ: 1234567890123456


Vietcombank
Payment Service

Xác nhận thanh toán tại Vietcombank

Merchant	ONEPAY
Số tiền thanh toán	20,000.00 VND
OTP(10 Chars)	<input type="text" value="1234567890"/>
Nhập chuỗi sau	<input type="text" value="1413995"/>

Điều khoản thanh toán

☒ Tôi chấp nhận tất cả các điều khoản thanh toán của Vietcombank

Ví dụ: Thao tác test với thông tin loại thẻ **Connect24**

- Loại thẻ: Connect24
- Tên chủ thẻ: NGUYEN HONG NHUNG
- Số thẻ: 6868682607535021
- Ngày phát hành: 12/08
- Mã giao dịch (10 Chars): Nhập 10 ký tự bất kỳ (ví dụ 0123456789)

Click nút **Thanh toán (PAY)**

❖ **Chú ý**

- ✓ Cách thức thanh toán các thẻ ATM nội địa khác tương tự như thanh toán trên thẻ ATM VietComBank.
 - ✓ Để thanh toán dịch vụ OnePAY, các thẻ ATM phải đăng kí dịch vụ Internet Banking và SMS Banking.
 - ✓ Quy trình thanh toán bằng thẻ Quốc tế tương tự như thẻ Nội địa.
- **Bước 6:** Kiểm tra trang thông tin trả về (vn_dr.ascx) để biết một giao dịch là thành công, pending - chưa xác định được kết quả hay thanh toán không thành công. Cụ thể:
- ✓ Giao dịch thanh toán thành công khi:
 - vpc_TxnResponseCode = **0**
 - **Hash Validated Correctly: CORRECT**
 - ✓ Giao dịch thanh toán pending (chưa xác định rõ kết quả thanh toán thành công hay không thành công) khi:
 - **Hash Validated Correctly: INVALID HASH**
 - ✓ Các trường hợp khác dẫn đến giao dịch không thành công.
 - vpc_TxnResponseCode \neq **0**
 - Hash Validated Correctly: **CORRECT**
- **Bước 7 :** Xây dựng hàm insert, update dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu (CSDL)
 Dữ liệu trước khi thanh toán và sau khi thanh toán cần được insert vào Database, bạn tạo một bảng TB_TRAN_LOG với các trường như bảng dưới:

Table	TB_TRAN_OP				
STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Null	Khóa chính	Chú thích
1	vpc_MerchTxnRef	VARCHAR(34)	N	Y	Key
2	vpc_DO	VARCHAR2(550)	N	N	URL request
3	vpc_DR	VARCHAR2(550)	Y	N	URL response

Bảng TB_TRAN_LOG lưu dữ liệu thanh toán

3. Bảng thông báo lỗi khi thực hiện giao dịch

Response Code	Desc	Chú thích
0	Approved	Giao dịch thành công
1	Bank Declined	Ngân hàng từ chối giao dịch
3	Merchant not exist	Mã đơn vị không tồn tại
4	Invalid access code	Không đúng access code
5	Invalid amount	Số tiền không hợp lệ
6	Invalid currency code	Mã tiền tệ không tồn tại
7	Unspecified Failure	Lỗi không xác định
8	Invalid card Number	Số thẻ không đúng
9	Invalid card name	Tên chủ thẻ không đúng
10	Expired Card	Thẻ hết hạn/Thẻ bị khóa
11	Card Not Registered Service (internet banking)	Thẻ chưa đăng ký sử dụng dịch vụ
12	Invalid card date	Ngày phát hành/Hết hạn không đúng
13	Exist Amount	Vượt quá hạn mức thanh toán
21	Insufficient fund	Số tiền không đủ để thanh toán
99	User cancel	Người sử dụng hủy giao dịch

Chú thích: Lỗi mã 7 là lỗi ngân hàng từ chối giao dịch. Nguyên nhân của lỗi chưa được định nghĩa.

4. Thông tin thẻ test

4.1 Cổng thanh toán nội địa

URL Payment Test: <http://mtf.OnePAY.vn/onecomm-pay/vpc.op>

(URL Payment: <https://OnePAY.vn/onecomm-pay/vpc.op>)

MerchantID: **ONEPAY**

Accesscode: **D67342C2**

Hashcode (Tên khác là SECURE_SECRET): **A3EFDFABA8653DF2342E8DAC29B51AF0**

Thông số tin thẻ test:

Loại thẻ: **Vietcombank**

Tên: **NGUYEN HONG NHUNG**

Số thẻ: **6868682607535021**

Tháng/Năm phát hành: **12/08**

Mã OTP: **1234567890**

4.2 Cổng thanh toán Quốc tế

URL Payment Test: <http://mtf.OnePAY.vn/vpcpay/vpcpay.op>

(URL Payment: <https://OnePAY.vn/vpcpay/vpcpay.op>)

Thanh toán bằng đơn vị tiền tệ USD:

MerchantID: **TESTONEPAYUSD**

Accesscode: **614240F4**

Hashcode (Tên khách là SECURE_SECRET): **18D7EC3F36DF842B42E1AA729E4AB010**

Thanh toán bằng đơn vị tiền tệ VND:

MerchantID: **TESTONEPAY**

Accesscode: **22772CEF**

Hashcode (Tên khách là SECURE_SECRET): **6D0870CDE5F24F34F3915FB0045120DB**

Thông tin tài khoản test:

Loại tài khoản: **Visa**

Số thẻ: **4005550000000001**

Date Exp: **05/13**

CVV/CSC: **123**

Street: Tran Quang Khai

City/Town: Hanoi

State/Province: North

Postcode(zip code): 1234

Country: VietNam

IV. Tích hợp MVC

1. Xây dựng Models

- Models **Transaction** chứa những thông tin yêu cầu trong giao dịch.

```

/// Revision History
/// Date           Author           Reason for Change
/// -----
/// 20/09/2012     Thuyhk           Create.
/// </summary>
///

```

```

using System;
using System.Collections.Generic;
using System.Linq;
using System.Web;

namespace _mvcOnePay.Models
{
    public class Transaction
    {
        public string Title { get; set; }
        public string vpc_Locale { get; set; }
        public string vpc_Version { get; set; }
        public string vpc_Command { get; set; }
        public string vpc_Merchant { get; set; }
        public string vpc_AccessCode { get; set; }
        public string vpc_MerchTxnRef { get; set; }
        public string vpc_OrderInfo { get; set; }
        public string vpc_Amount { get; set; }
        public string vpc_Currency { get; set; }
        public string vpc_ReturnURL { get; set; }
    }
}

```

- Models **ResultTran** chứa các thông tin trả về.

```

/// -----
/// 20/09/2012      Thuyhk      Create.
/// </summary>
///
using System;
using System.Collections.Generic;
using System.Linq;
using System.Web;

namespace _mvcOnePay.Models
{
    public class ResultTran
    {
        public string vpc_MerchantRef { get; set; }
        public string vpc_MerchantID { get; set; }
        public string vpc_ResponseCode { get; set; }
        public string vpc_Result { get; set; }
        public string vpc_Amount { get; set; }
        public string vpc_Locale { get; set; }
        public string vpc_Command { get; set; }
        public string vpc_Version { get; set; }
        public string vpc_Card { get; set; }
        public string vpc_OrderInfor { get; set; }
        public string vpc_Merchant { get; set; }
        public string vpc_AuthorizeId { get; set; }
        public string vpc_MerchTxnRef { get; set; }
        public string vpc_TracsactionNo { get; set; }
        public string vpc_Message { get; set; }

        public string hashvalidate { get; set; }
    }
}

```

- Ngoài những field nói trên trong 2 model, LTV viết thêm các thông tin về người nhận hàng.

2. Xây dựng Controller

- Method gửi thông tin giao dịch tới cổng thanh toán OnePAY.

```
[HttpPost]
public ActionResult Index(Transaction tran)
{
    if (ModelState.IsValid)
    {
        string SECURE_SECRET = "A3EFDFA8653DF2342E8DAC29B51AF0";
        VPCRequest conn = new
VPCRequest("http://mtf.onepay.vn/onecomm-pay/vpc.op");
conn.SetSecureSecret(SECURE_SECRET);

// Thông tin về các trường trong giao dịch
conn.AddDigitalOrderField("Title", "onepay paygate");
conn.AddDigitalOrderField("vpc_Locale", "vn");
conn.AddDigitalOrderField("vpc_Version", "2");
conn.AddDigitalOrderField("vpc_Command", "pay");
conn.AddDigitalOrderField("vpc_Merchant", "ONEPAY");
conn.AddDigitalOrderField("vpc_AccessCode", "D67342C2");
conn.AddDigitalOrderField("vpc_MerchTxnRef", Guid.NewGuid().ToString());
conn.AddDigitalOrderField("vpc_OrderInfo", tran.vpc_OrderInfo);
conn.AddDigitalOrderField("vpc_Amount", tran.vpc_Amount);
conn.AddDigitalOrderField("vpc_Currency", "VND");
conn.AddDigitalOrderField("vpc_ReturnURL",
"http://localhost:28467/Home/Result"); // Link trả về sau khi thanh toán

String sIP;
sIP = Dns.Resolve(Dns.GetHostName()).AddressList[0].ToString();

// Thông tin về khách hàng
conn.AddDigitalOrderField("vpc_SHIP_Street01", "124 Ton That Dam");
conn.AddDigitalOrderField("vpc_SHIP_Province", "HoChiMinh");
conn.AddDigitalOrderField("vpc_SHIP_City", "HoChiMinh");
conn.AddDigitalOrderField("vpc_SHIP_Country", "Vietnam");
conn.AddDigitalOrderField("vpc_Customer_Phone", "0933389128");
conn.AddDigitalOrderField("vpc_Customer_Email", "thuyhk2@fpt.com.vn");
conn.AddDigitalOrderField("vpc_Customer_Id", "onepay_paygate");
conn.AddDigitalOrderField("vpc_TicketNo", sIP);

// Chuyển hướng sang cổng thanh toán
String url = conn.Create3PartyQueryString();
return Redirect(url);
    }
    else return View();
}
```

- Method nhận thông tin từ sau giao dịch.

```

public ActionResult Result()
{
    string SECURE_SECRET = "A3EFDFA8653DF2342E8DAC29B51AF0";
    string hashvalidateResult = "";
    VPCRequest conn = new VPCRequest("http://onepay.vn");

    conn.SetSecureSecret(SECURE_SECRET);
    hashvalidateResult = conn.Process3PartyResponse(Request.QueryString);
    String vpc_TxnResponseCode = conn.GetResultField("vpc_TxnResponseCode",
    "Unknown");
    string amount = conn.GetResultField("vpc_Amount", "Unknown");
    string locale = conn.GetResultField("vpc_Locale", "Unknown");
    string command = conn.GetResultField("vpc_Command", "Unknown");
    string version = conn.GetResultField("vpc_Version", "Unknown");
    string cardBin = conn.GetResultField("vpc_Card", "Unknown");
    string orderInfo = conn.GetResultField("vpc_OrderInfo", "Unknown");
    string merchantID = conn.GetResultField("vpc_Merchant", "Unknown");
    string authorizeID = conn.GetResultField("vpc_AuthorizeId", "Unknown");
    string merchTxnRef = conn.GetResultField("vpc_MerchTxnRef", "Unknown");
    string transactionNo = conn.GetResultField("vpc_TransactionNo", "Unknown");
    string txnResponseCode = vpc_TxnResponseCode;
    string message = conn.GetResultField("vpc_Message", "Unknown");

    ResultTran resultTran = new ResultTran();
    if (hashvalidateResult == "INVALIDATED")
    {
        resultTran.vpc_Result = "Giao dịch chưa thành công.";
        hashvalidateResult = "INVALIDATED";
    }
    else
    {
        if (txnResponseCode.Trim() == "0")
        {
            resultTran.vpc_Result = "Giao dịch thành công";
        }
        else
        {
            resultTran.vpc_Result = "Giao dịch không thành công";
        }
        hashvalidateResult = "CORRECTED";
    }

    resultTran.vpc_Version = version;
    resultTran.vpc_Amount = amount;
    resultTran.vpc_MerchantID = merchantID;
    resultTran.vpc_MerchantRef = merchTxnRef;
    resultTran.vpc_OrderInfo = orderInfo;
    resultTran.vpc_ResponseCode = txnResponseCode;
    resultTran.vpc_Command = command;
    resultTran.vpc_TransactionNo = transactionNo;
    resultTran.hashvalidate = hashvalidateResult;
    resultTran.vpc_Message = message;
    return View(resultTran);
}

```

3. Xây dựng Views

- Index.cshtml

```
@model _mvcOnePay.Models.Transaction
@{
    ViewBag.Title = "Index";
}
@using (Html.BeginForm())
{
    @Html.ValidationSummary(true)
    <table width="440px" align="center" style="border: 1px solid #CCC;">
        <tr>
            <td valign="top" style="text-align: right; width: 160px; font-size: 16px; color: #0393f6;">
                @Html.Label("Thông tin đặt hàng: ")
            </td>
            <td>
                @Html.TextAreaFor(model => model.vpc_OrderInfo)
            </td>
        </tr>
        <tr>
            <td valign="top" style="text-align: right; width: 160px; font-size: 16px; color: #0393f6;">@Html.Label("Tổng tiền: ")
            </td>
            <td>
                @Html.TextBoxFor(model => model.vpc_Amount)
            </td>
        </tr>
        <tr align="center">
            <td colspan="2">
                <input type="submit" value="Thanh toán" />
            </td>
        </tr>
    </table>
}
```

- Result.cshtml

```

@model _mvcOnePay.Models.ResultTran
@{
    ViewBag.Title = "Result";
}
@using (Html.BeginForm())
{
    <table id="Table2" cellpadding="5" cellspacing="1" width="85%"
    align="center" border="1">
        <tr bgcolor="#0074c4">
            <td colspan="2" height="25">
                <p>
                    <strong>&nbsp;Basic Transaction Fields</strong></p>
                </td>
            </tr>
            <tr align="center">
                <td colspan="2" width="45%">
                    @Model.vpc_Result
                </td>
            </tr>

            ///.....
            /// Các thông tin khác...
            ///.....

            <tr bgcolor="#ced7ef">
                <td align="right">
                    <strong><i>Transaction Number: </i></strong>
                </td>
                <td>
                    @Model.vpc_TracsactionNo
                </td>
            </tr>
            <tr>
                <td align="right">
                    <strong><i>Hash Validated Correctly: </i></strong>
                </td>
                <td>
                    @Model.hashvalidate
                </td>
            </tr>
        </table>
    }

```

V. Tích hợp plugin nopCommerce 2.65

1. Giới thiệu plugin OnePAY Standard

- Plugin OnePAY Standard là một lựa chọn cho phương thức thanh toán sử dụng các thẻ ATM của các ngân hàng nội địa. Việc thanh toán qua plugin sẽ được đảm bảo bởi nhà cung cấp dịch vụ OnePAY và đơn vị kinh doanh.

4 Payment Method

☒ OnePAY Standard (7,00 ₫)
☐ Pay In Store
☐ Purchase Order

[Back](#)
[Continue](#)

- Thông qua giao diện quản lý, Admin có thể configure thông số do Cty OnePAY cung cấp.

Configure - OnePAY Standard (back to payment method list)

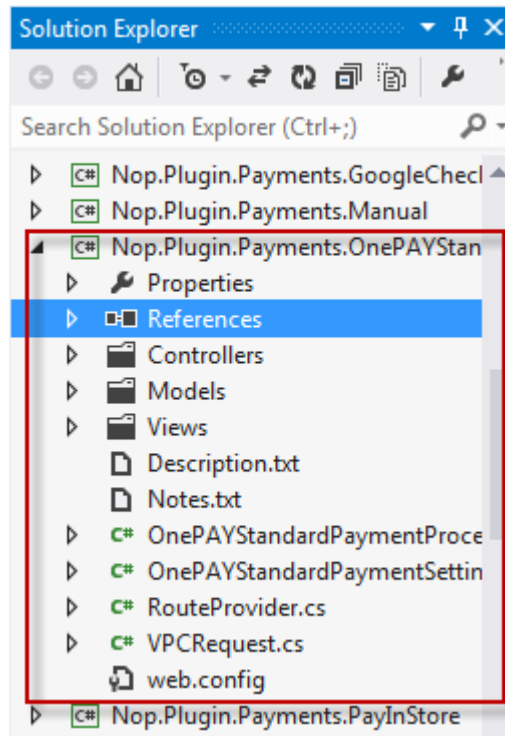
☒ Use Sandbox:
 MerchantID: ONEPAY
 AccessCode: D67342C2
 HashCode: A3EFDFA8653DF2342E8DAC29B51AF
 Additional fee: 7.0000

[Save](#)

2. Hướng dẫn cấu hình plugin OnePAY Standard

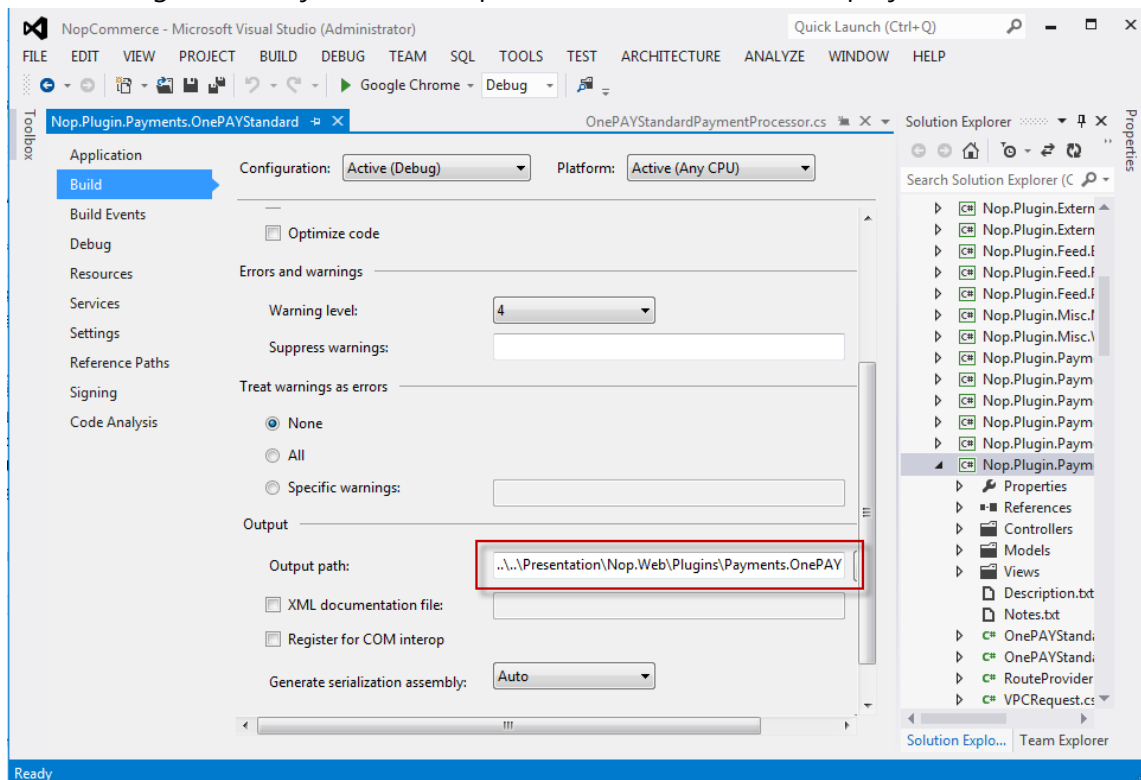
- Bước 1: Tạo plugin

Tạo project Class Library **Nop.Plugin.Payments.OnePAYStandard** nằm trong folder **Plugins** của project (khác thư mục plugin trong Presentation\Nop.Web)



- Bước 2: Cấu hình build

Trong menu Project, click Properties. Chọn thư mục build project:



- Bước 3: Tạo file Description.txt

```
Group: Payment methods
FriendlyName: OnePAY Standard
SystemName: Payments.OnePAYStandard
Version: 1.00
SupportedVersions: 2.65
Author: thuyhk
DisplayOrder: 1
FileName: Nop.Plugin.Payments.OnePAYStandard.dll
```

- Bước 4: Tạo model ConfigurationModel.cs trong thư mục Models

```

/// <summary>
/// Payment OnePay
///
/// Revision History
/// Date          Author          Reason for Change
/// -----
/// 26/09/2012    Thuyhk          Create.
/// </summary>
///
using Nop.Web.Framework;
using Nop.Web.Framework.Mvc;

namespace Nop.Plugin.Payments.OnePAYStandard.Models
{
    public class ConfigurationModel : BaseNopModel
    {
        [NopResourceDisplayName("Plugins.Payments.OnePAYStandard.Fields.UseSandbox")]
        public bool UseSandbox { get; set; }

        [NopResourceDisplayName("Plugins.Payments.OnePAYStandard.Fields.MerchantID")]
        public string MerchantID { get; set; }

        [NopResourceDisplayName("Plugins.Payments.OnePAYStandard.Fields.AccessCode")]
        public string AccessCode { get; set; }

        [NopResourceDisplayName("Plugins.Payments.OnePAYStandard.Fields.HashCode")]
        public string HashCode { get; set; }

        [NopResourceDisplayName("Plugins.Payments.OnePAYStandard.Fields.AdditionalFee")]
        public decimal AdditionalFee { get; set; }
    }
}

```

- Bước 5: Tạo Controller PaymentOnePAYStandardController.cs trong thư mục Controller. Class này được kế thừa các phương thức thanh toán mặc định của nopCommerce

```

public class PaymentOnePAYStandardController : BaseNopPaymentController
{
    private readonly ISettingService _settingService;
    private readonly IPaymentService _paymentService;
    private readonly IOrderService _orderService;
    private readonly IOrderProcessingService _orderProcessingService;
    private readonly ILogger _logger;
    private readonly IWebHelper _webHelper;
    private readonly OnePAYStandardPaymentSettings _onePAYStandardPaymentSettings;
    private readonly PaymentSettings _paymentSettings;

    public PaymentOnePAYStandardController(ISettingService settingService,
        IPaymentService paymentService, IOrderService orderService,
        IOrderProcessingService orderProcessingService,
        ILogger logger, IWebHelper webHelper,
        OnePAYStandardPaymentSettings onePAYStandardPaymentSettings,
        PaymentSettings paymentSettings)
    {
        this._settingService = settingService;
        this._paymentService = paymentService;
        this._orderService = orderService;
        this._orderProcessingService = orderProcessingService;
        this._logger = logger;
        this._webHelper = webHelper;
        this._onePAYStandardPaymentSettings = onePAYStandardPaymentSettings;
        this._paymentSettings = paymentSettings;
    }
}

```

- Bước 6: Tạo View Configure.cshtml trong thư mục Views\PaymentOnePAYStandard để configure plugin OnePAY Standard.

```
@{
    Layout = "";
}
@model ConfigurationModel
@using Nop.Plugin.Payments.OnePAYStandard.Models;
@using Nop.Web.Framework;
@using (Html.BeginForm())
{
    <table class="adminContent">
        <tr>
            <td class="adminTitle">
                @Html.NopLabelFor(model => model.UseSandbox):
            </td>
            <td class="adminData">
                @Html.EditorFor(model => model.UseSandbox)
                @Html.ValidationMessageFor(model => model.UseSandbox)
            </td>
        </tr>
        <tr>
            <td class="adminTitle">
                @Html.NopLabelFor(model => model.MerchantID):
            </td>
            <td class="adminData">
                @Html.EditorFor(model => model.MerchantID)
                @Html.ValidationMessageFor(model => model.MerchantID)
            </td>
        </tr>
        <tr>
            <td class="adminTitle">
                @Html.NopLabelFor(model => model.AccessCode):
            </td>
            <td class="adminData">
                @Html.EditorFor(model => model.AccessCode)
                @Html.ValidationMessageFor(model => model.AccessCode)
            </td>
        </tr>
    </table>
}
```

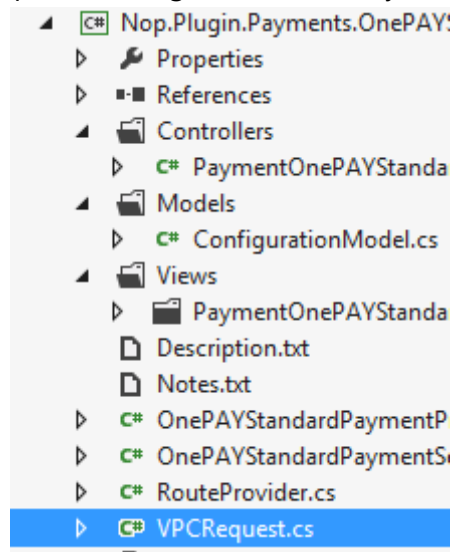
- Bước 7: Tạo file OnePAYStandardPaymentProcessor.cs để xử lý thanh toán.
- Bước 8: Tạo file OnePAYStandardPaymentSettings.cs để chứa các thông tin configure plugin

```
/// <summary>
/// Payment OnePay
///
/// Revision History
/// Date          Author          Reason for Change
/// -----
/// 26/09/2012    Thuyhk          Create.
/// </summary>
///
```

```
using Nop.Core.Configuration;
```

```
namespace Nop.Plugin.Payments.OnePAYStandard
{
    public class OnePAYStandardPaymentSettings : ISettings
    {
        public bool UseSandbox { get; set; }
        public string MerchantID { get; set; }
        public string AccessCode { get; set; }
        public decimal AdditionalFee { get; set; }
        public string HashCode { get; set; }
    }
}
```

- Bước 9: Copy file VPCRequest.cs trong module OnePay C# trong phần III



- Bước 10: Cấu hình Routeprovider.cs

```
public partial class RouteProvider : IRouteProvider
{
    public void RegisterRoutes(RouteCollection routes)
    {
        routes.MapRoute("Plugin.Payments.OnePAYStandard.Configure",
            "Plugins/PaymentOnePAYStandard/Configure",
            new { controller = "PaymentOnePAYStandard", action = "Configure" },
            new[] { "Nop.Plugin.Payments.OnePAYStandard.Controllers" }
        );

        routes.MapRoute("Plugin.Payments.OnePAYStandard.PaymentInfo",
            "Plugins/PaymentOnePAYStandard/PaymentInfo",
            new { controller = "PaymentOnePAYStandard", action = "PaymentInfo" },
            new[] { "Nop.Plugin.Payments.OnePAYStandard.Controllers" }
        );

        //Result payment
        routes.MapRoute("Plugin.Payments.OnePAYStandard.PDTHandler",
            "Plugins/PaymentOnePAYStandard/PDTHandler",
            new { controller = "PaymentOnePAYStandard", action = "PDTHandler" },
            new[] { "Nop.Plugin.Payments.OnePAYStandard.Controllers" }
        );
    }
    public int Priority
    {
        get
        {
            return 0;
        }
    }
}
```